



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 27.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42521850200000001	NGUYEN THI HOAI	女	2002-10-30	025302006173	LE 5.18	
2	H42521850200000002	DANG THI MINH ANH	女	2008-08-15	025308004878	LE 5.18	
3	H42521850200000003	NGUYEN THI HA	女	1996-11-30	036196000586	LE 5.18	
4	H42521850200000004	NGUYEN LE KHAI TAM	女	2008-09-05	025308006869	LE 5.18	
5	II42521850200000005	NGUYEN THI TRUC QUYNH	女	2002-07-03	015302000247	LE 5.18	
6	H42521850200000006	NGUYEN THI HOAI	女	2001-07-06	002301009175	LE 5.18	
7	H42521850200000007	DO AN HIEU	女	2008-10-27	001308044519	LE 5.18	
8	H42521850200000008	PHUNG THI HONG NHUNG	女	2008-11-01	001308017981	LE 5.18	
9	H42521850200000009	NGUYEN TU NAM	男	2008-01-14	019208012154	LE 5.18	
10	H42521850200000010	TRAN VAN NANG	男	2003-11-02	027203004402	LE 5.18	
11	H42521850200000011	LE THI HONG	女	2003-09-18	022303007740	LE 5.18	
12	H42521850200000012	LE NHAT VY	女	2008-10-16	040308013538	LE 5.18	
13	H42521850200000013	TRAN HOANG LONG	男	2008-04-14	024208008973	LE 5.18	
14	H42521850200000014	BUI THI HUYNH	女	1991-02-10	038191025591	LE 5.18	
15	H42521850200000015	NGUYEN THI TRA MY	女	2001-01-28	001301013027	LE 5.18	
16	H42521850200000016	NGUYEN THI NHUNG	女	2001-07-18	010301000216	LE 5.18	
17	H42521850200000017	PHAM VAN LAN	男	1998-02-15	036098002493	LE 5.18	
18	H42521850200000018	NONG THU TRANG	女	2008-10-04	002308004293	LE 5.18	
19	H42521850200000019	NGUYEN THI HUONG	女	1998-05-28	022198003638	LE 5.18	
20	H42521850200000020	NONG THI MEN	女	1996-06-25	002196004627	LE 5.18	
21	H42521850200000021	VUONG KIEU TRANG	女	2008-07-26	001308009262	LE 5.18	
22	H42521850200000022	NGUYEN TUE TAI	男	2005-03-17	001205021924	LE 5.18	
23	H42521850200000023	NGUYEN THI NGOC MAI	女	1982-09-21	024182004526	LE 5.18	
24	H42521850200000024	KIEU PHUONG THAO	女	2003-09-24	001303006134	LE 5.18	
25	H42521850200000025	PHAN THI HOAI PHUONG	女	2007-11-10	040307924623	LE 5.18	
26	H42521850200000026	PHAM HAI DANG	男	2008-04-26	008208004912	LE 5.18	
27	H42521850200000027	TRAN ANH NAM KHANH	男	2008-06-06	008208004916	LE 5.18	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 27.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42521850200000028	TRINH THI HAI YEN	女	2007-11-17	025307007555	LE 5.19	
2	H42521850200000029	NGUYEN THII HAU	女	2008-05-17	040308021	LE 5.19	
3	H42521850200000030	BUI NGUYEN TUYET TRANG	女	2008-11-06	231308000116	LE 5.19	
4	H42521850200000031	PHAM THI THANH	女	2004-10-05	024304003218	LE 5.19	
5	H42521850200000032	TRAN THI THU TRANG	女	1999-02-12	001199006242	LE 5.19	
6	H42521850200000033	LE QUYNH ANH	女	1997-10-07	019197006019	LE 5.19	
7	H42521850200000034	HOANG THI THU	女	1993-10-06	038193039805	LE 5.19	
8	H42521850200000035	TO BAO ANH	女	2008-05-28	026308007287	LE 5.19	
9	H42521850200000036	NGO THI HAN HUYEN	女	2008-03-19	001308029335	LE 5.19	
10	H42521850200000037	CAO THI HA UYEN	女	2006-03-29	040306005318	LE 5.19	
11	H42521850200000038	DANG THI PHUONG	女	1991-04-26	001191017967	LE 5.19	
12	H42521850200000039	TRAN THANH LAM	女	2007-09-13	025307002734	LE 5.19	
13	H42521850200000040	NGUYEN NGOC THUAN	女	2007-03-05	025307011705	LE 5.19	
14	H42521850200000041	NGUYEN THI PHUONG LINH	女	2007-02-18	025307013189	LE 5.19	
15	H42521850200000042	DANG THI THUY	女	2008-08-15	025308003656	LE 5.19	
16	H42521850200000043	DONG THI THUY LINH	女	2007-10-23	025307004566	LE 5.19	
17	H42521850200000044	TRAN DUC THAO	男	2003-01-02	025203009628	LE 5.19	